

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C T
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2019
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C T, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Dương Thị Thu Vân

2/ Bà Đặng Thụy Thùy Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Võ Thị T**, sinh năm: 1954

Địa chỉ: ấp Tân Phú, xã T H, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Tạ Ngọc H**, sinh năm: 1951

Địa chỉ: ấp Tân Phú, xã T H, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

(Bà T có mặt; ông H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2019, lời trình bày tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Tạ Ngọc H kết hôn năm 1974 và không có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì bắt

đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H thay đổi tính tình, thường xuyên chửi mắng và ghen tuông vô cớ. Bà T và ông H đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Tạ Ngọc Đăng K, sinh năm 1975; Tạ Thị Hồng G, sinh năm 1977; Tạ Thị Hồng D, sinh năm 1979 và Tạ Ngọc Khoa Đăng, sinh năm 1981. Hiện tất cả đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai đề ngày 21/3/2019 bị đơn ông Tạ Ngọc H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông H thống nhất theo lời trình bày của bà T về thời gian, điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên từ năm 2016 nay vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung nhà. Nay ông không đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Tạ Ngọc Đăng K, sinh năm 1975; Tạ Thị Hồng G, sinh năm 1977; Tạ Thị Hồng D, sinh năm 1979 và Tạ Ngọc Khoa Đăng, sinh năm 1981. Hiện tất cả đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về tố tụng: Bị đơn ông Tạ Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H.

[2] – Về nội dung yêu cầu: Bà Võ Thị T yêu cầu ly hôn với ông Tạ Ngọc H. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bà T và ông H xác lập hôn nhân vào năm 1974 và không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 thì hôn nhân của bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa bà T và ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, ông H thay đổi tính tình thường xuyên chửi mắng bà T và hay ghen tuông vô cớ. Bà T và ông H trình bày thống nhất vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng vẫn không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với lời trình bày của ông H không đồng ý ly hôn với bà T nhưng lại không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ, đồng thời tại phiên tòa ông H vắng mặt chứng tỏ ông H cũng không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Bà T và ông H trình bày thống nhất vợ chồng có 04 con chung tên Tạ Ngọc Đăng K, sinh năm 1975; Tạ Thị Hồng G, sinh năm 1977; Tạ Thị Hồng D, sinh năm 1979 và Tạ Ngọc Khoa Đăng, sinh năm 1981. Hiện tất cả đã trưởng thành.

[2.4] Về tài sản chung: Bà T và ông H trình bày thống nhất không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị T.

- Bà Võ Thị T được ly hôn với ông Tạ Ngọc H.

2/ Về án phí: Bà Võ Thị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009377 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C T, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C T;
- Chi cục THADS huyện C T;
- UBND xã T H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh